TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày: 26- 4-2023
Về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 107/2022/DS-ST, ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông S, sinh năm 1960; địa chỉ: số 51/7, tổ 3, khóm 4, phường Châu Phú A, thành phố CĐ, tỉnh AG. Có mặt

2. Đồng bị đơn:

2.1. Bà Mạc Thị H, sinh năm 1945 Vắng mặt

2.2 Ông CH, sinh năm 1944; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ 19, khóm Vĩnh Đ, phường Núi S, thành phố CĐ, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mạc Thị H và ông CH: Ông Nguyễn Thường K, sinh năm 1950; địa chỉ: số 40 đường Kha Thị L1, khóm Vĩnh T1, phường Núi S, thành phố CĐ, tỉnh AG. Có mặt

Người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mạc Thị H và ông CH có Luật sư Mạc Minh Q thuộc Công ty Luật TNHH Một thành viên Thoại Kh1. Địa

chỉ: Số 454, Nguyễn Thị Minh Kh2, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

2.3.Ông H1, sinh năm 1975; Vắng mặt

2.4. Bà Nguyễn Thường Du L, sinh năm 1979; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: số 490/36 Lê Văn S, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà L: Ông Mạc Minh Q, sinh năm 1979; địa chỉ: 13.06. chung cư Thái A, khu phố 02, Trung MT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng ủy quyền số 001950/HĐ-UQ ngày 04/4/2023). Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh AG. Vắng mặt

Trụ sở: Đường Lê L, phường ChPhú B, thành phố CĐ, tỉnh AG.

3.2. Ông Trang H2, sinh năm 1954. Địa chỉ: tổ 3, khóm 4, phường ChPhú A, thành phố CĐ, tỉnh AG. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trang H2: Ông S, sinh năm 1960; địa chỉ: số 51/7, tổ 3, khóm 4, phường ChPhA, thành phố CĐ, tỉnh AG. Có mặt

3.3. Phòng công chứng số 2 tỉnh AG. Địa chỉ: số 72, đường Sương Nguyệt A, phường ChPhA, thành phố CĐ, tỉnh AG. Vắng mặt

Người kháng cáo: Bà Mạc Thị Huệ, ông CH, ông H1, bà L là bị đơn; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: ông S trình bày: Lúc sinh thời, cụ Trang Ng (Trang Ng1) - Đinh Thị H2(ông bà nội ông S) tạo lập phần thổ cư với diện tích 3.160m^2 đất, tọa lạc tại khóm Vĩnh Đ, phường Núi S, thành phố CĐ, tỉnh AG, cấp bằng khoán số 542. Sau năm 1975, Nhà nước trưng dụng khoảng 800m^2 đất, diện tích còn lại bị một số hộ dân lấn chiếm, trong đó có bà Mạc Thị H. Vụ việc tranh chấp giữa bà H và thừa kế cụ Trang Ng1- H đã được Tòa án nhân dân thị xã CĐ giải quyết theo Bản án số 199/DS.ST ngày 18/11/2004 (kèm theo Bản án có bản sao Bản đồ hiện trạng khi vực tranh chấp đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 18/10/2004). Theo đó, tạm giao cho bà Mạc Thị Hồng H (Mạc Thị H) diện tích đất 64,5m^2 đất, buộc bà H đền bù cho đồng thừa kế của bà Đinh Thị H 115.840.000 đồng. Sau đó, ông S kháng cáo và rút kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh AG giải quyết theo Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 27/CD-ĐCXXPT ngày 28/01/2005.

Quá trình thi hành án giữa bà H với thừa kế của cụ Trang Ng1, cụ H1, bà Mạc Thị H bị cưỡng chế thi hành án diện tích đất 41,2m^2 đất (trong tổng diện tích 64,5m^2 đất bà H được công nhận theo Bản án số 199/DS.ST ngày 18/11/2004) để thi hành đền bù cho thừa kế của bà Đinh Thị H1, nên quyền sử dụng đất của bà

Mạc Thị H còn lại là 23,3m^2 đất. Ông S cho rằng bà Mạc Thị H đã sử dụng lấn chiếm thêm thừa kế cụ Ng1- cụ H2 diện tích 15,5m^2 đất, sau đó, kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng diện tích 38,8m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05781 ngày 13/4/2016 cấp cho bà Mạc Thị H và ông CH.

Ngoài ra, bà Mạc Thị H còn sử dụng lấn chiếm thừa kế cụ Ng1 - cụ H phần diện tích khoảng 13m^2 đất. Tổng cộng diện tích lấn chiếm là 28,5m^2 đất. Ngày 06/5/2016, bà H,, ông Ch đã chuyển nhượng cho ông H1 và bà L toàn bộ diện tích 38,8m^2 đất. Hiện tại, ông H, bà L đã xây dựng hàng rào trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng và phần đất 15m^2 đất bà Mạc Thị H đã lấn chiếm trước đó.

Ông Sơn khởi kiện yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/5/2016 giữa bà Mạc Thị H, ông CH với ông H1, bà L được Phòng Công chứng số 2 tỉnh AG chứng thực ngày 06/5/2016;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05781 do UBND thành phố CĐ cấp cho bà Mạc Thị H và ông CH ngày 13/4/2016;

- Buộc bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L trả lại cho ông S diện tích lấn chiếm là 28,5m^2 đất.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông S có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu các bị đơn Mạc Thị H, CH, H1, L phải bồi hoàn giá trị đất theo giá thị trường đối với diện tích 15,5m^2 đất theo giá thị trường.

Bị đơn bà Mạc Thị H, ông CH do ông Nguyễn Thường K đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguồn gốc đất khi Toà án xét xử thì ông Ch, bà H có 68 m^2 đất nhưng bị Toà án giao buộc cho các đồng thừa kế của cụ Trang Ng1, Đinh Thị H1 41 m^2 đất tương đương số tiền là 115.584.000 đồng mà bà H, ông Ch đã Thi hành án nên diện tích đất còn lại của bà H, ông Ch là 27 m^2 đất. Sau đó Nhà nước cấp thêm cho bà H, ông Ch diện tích là 11 m^2 đất (đây là lối đi chung, không còn sử sụng) nên giấy chứng nhận QSD đất của bà H có diện tích là 38,5 m^2 đất và sau đó chuyển nhượng lại cho ông H1, bà nên khẳng định việc cấp giấy QSD đất cho bà H, ông Ch là đúng theo quy định của pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (đồng thừa kế của cụ Trang Ng1, Đinh Thị H1).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng số 2 do bà Quách Bảo Ch2 đại diện trình bày: trước đây Văn phòng công chứng có công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa bà H, ông Ch với ông H, bà L và đã cung cấp các tài liệu cho Toà án. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành đo đạc hiện trạng, định vị, phục hồi mốc ranh và xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất tranh chấp (quyền sử dụng diện tích 38,8m^2 đất, số thửa 290, tờ bản đồ số 42 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05781 cấp ngày 13/4/2016 cấp cho bà Mạc Thị H và ông CH).

Trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, ông Ch; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà H, ông Ch sang ông H3, bà L.

Công văn số 3885/UBND-NC, ngày 03/11//2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh AG, trả lời về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông Ch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ quyết định:

Áp dụng Điều 12, 100, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 170, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S.

Buộc bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L cùng có trách nhiệm trả cho ông S số tiền là 69.750.000 (sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu các khởi kiện của ông S đối với bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L về các yêu cầu khởi kiện xin Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/5/2016 giữa bà Mạc Thị H, ông CH với ông H1, bà L được Phòng Công chứng số 2 tỉnh AG chứng thực ngày 06/5/2016; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05781 do UBND thành phố CĐ cấp cho bà Mạc Thị H và ông CH ngày 13/4/2016; Buộc bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L trả lại cho ông S diện tích đất lấn chiếm là 28,5m^2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07, 10 tháng 10 năm 2022, bị đơn ông CH, bà Mạc Thị H, ông H1, bà L có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét gồm: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 107/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CĐ kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự số 107/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát không rút quyết định kháng nghị. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh AG, căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1 và bà L; Chấp nhân Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 358/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện trưởng VKSND thành phố CĐ; sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông CH, bà Mạc Thị H, ông H1, bà L kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét chấp nhận. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ trong thời hạn luật định, được xem xét chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: nguồn gốc đất tranh chấp phát sinh sau khi thi hành Bản án số 199/DS.ST ngày 18/11/2004 của Tòa án nhân dân thị xã CĐ, bà Mạc Thị H bị cưỡng chế kê biên, bán đấu giá một phần đất với diện tích đất 41,2m^2 (trong tổng diện tích 68m^2), nên diện tích đất còn lại của bà H - ông Ch là 27 m^2. Sau đó, Nhà nước cấp thêm cho bà H- ông Ch một phần diện tích đất thuộc lối đi chung không còn sử dụng, nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huệ - ông Ch có diện tích 38,8 m^2. Hiện phần đất này đã được chuyển nhượng lại cho ông H2 - bà L.

Ông S cho rằng sau khi bị cưỡng chế thi hành án, diện tích đất bà H còn 23,3m^2, nhưng được cấp quyền sử dụng 38,8m^2, nên phần tăng thêm 15,5m^2 là phần lấn chiếm thêm của thừa kế cụ Trang Ng1, cụ Đinh Thị H1. Ngày 06/5/2016 bà H - ông Ch đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông H1 - bà L. Vì vậy, ông Sơn đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế của cụ Ng1, cụ H1; khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải trả cho gia đình ông S diện tích đất lấn chiếm là 15,5m^2 hoặc bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Ch, bà H, ông H3, bà L, và kháng nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy, trước đây vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đồng thừa kế của cụ Trang Ng1 và cụ Đinh Thị H1 với bà Mạc Thị H được xét xử bằng Bản án số 199/DS.ST ngày 18/11/2004 đã có hiệu lực pháp luật. Khi đó, diện tích đất thực tế bà H sử dụng là 68,7m^2, Bản án chỉ tuyên buộc bà H đền bù cho thừa kế của cụ H2 giá trị quyền sử dụng 64,5m^2 đất là 115.840.000 đồng. Theo Bản đồ hiện trạng do Trung tâm kỹ thuật Tài

nguyên và Môi trường lập ngày 18/10/2004 và Bản đồ hiện trạng ngày 12/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh CĐ thể hiện, phần diện tích đất bà H - ông Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tăng thêm là thuộc phần lối đi chung phía sau nhà bà Huệ - ông Chuyền. Đồng thời, phần đất các hộ sử dụng giáp ranh với bà Huệ - ông Chuyền không có đất của ông S hoặc đồng thừa kế của cụ Ngủ, cụ Huệ.

Bà Huệ - ông Chuyền là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Hách - bà Linh chỉ là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngay tình và chưa thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu trả lại cho ông Sơn diện tích đất lấn chiếm là 15,5m^2 hoặc bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất: Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc nguyên đơn có quyền sử dụng đất đang do bị đơn quản lý sử dụng trái phép, nên yêu cầu kiện này của nguyên đơn là không có căn cứ. Mặc khác tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông S cũng không chứng minh được phần diện tích đang tranh chấp nằm trong diện tích 3.160m^2, ông S cho rằng do trước đây diện tích đất 64,5m^2 bà Mạc Thị H, ông CH, sau khi bị thi hành án 41,2m^2, còn lại 23,3m^2, bà H đăng ký kê khai diện tích 38,80m^2, hiện đang tranh chấp 15,5m^2. Tại phiên tòa ông S xác định là do trước đây diện tích 23,3m^2 là đất mặt tiền là của ông nên 15,5m^2 nằm phía sau hậu diện tích 23,3m^2 cũng là của ông. Ngoài ra ông S không cung cấp chứng cứ nào khác. Nên chấp nhận quyết định kháng nghị số 358/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ. Kháng cáo của bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1 và bà L.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu không được chấp nhận nên ông S phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định và trích lục hồ sơ với số tiền là 1.012.000 đồng (một triệu không trăm mười hai ngàn) đồng. Ông S đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu không được chấp nhận nhưng do ông S là người cao tuổi nên được Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là *600.000 (sáu trăm nghìn)* đồng theo biên lai phiếu thu số TU/2016/0007912 và biên lai phiếu thu số TU/2016/0007913 cùng ngày 26/03/2019 và số tiền *3.750.000* (*ba triệu bảy trăm ngàn)* đồng, theo biên lai phiếu thu số 0007912, ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; tổng cộng *4.350.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn)* đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận nên bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1 và bà L không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông H1 và bà L mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận quyết định kháng nghị số 358/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ.

Chấp nhận kháng cáo của bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1 và bà L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 107/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ.

Xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S yêu cầu bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L cùng có trách nhiệm trả cho ông S số tiền là 69.750.000 (sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đình chỉ yêu cầu các khởi kiện của ông S đối với bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L về các yêu cầu khởi kiện xin Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/5/2016 giữa bà Mạc Thị H, ông CH với ông H1, bà L được Phòng Công chứng số 2 tỉnh AG chứng thực ngày 06/5/2016; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05781 do UBND thành phố CĐ cấp cho bà Mạc Thị H và ông CH ngày 13/4/2016; Buộc bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1, bà L trả lại cho ông S diện tích đất lấn chiếm là 28,5m^2.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông S phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định và trích lục hồ sơ với số tiền là 1.012.000 đồng (một triệu không trăm mười hai ngàn) đồng (ông S đã nộp xong).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là *600.000 (sáu trăm nghìn)* đồng theo biên lai phiếu thu số TU/2016/0007912 và biên lai phiếu thu số TU/2016/0007913 cùng ngày 26/03/2019 và số tiền *3.750.000* (*ba triệu bảy trăm ngàn)* đồng, theo biên lai phiếu thu số 0007912, ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; tổng cộng *4.350.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn)* đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mạc Thị H, ông CH, ông H1 và bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông H1 và bà L mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0002754 (L); 0002755 (H) cùng ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CĐ

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Cục THA DS AG;
- TAND TP. CĐ;
- THA TP CĐ;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trương Văn Hai

Phạm Thị Minh Châu

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ